

VIỆC LÀM XANH Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH NHẪM HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Quỳnh Hoa

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: quynhhoa@neu.edu.vn

Ngày nhận: 06/6/2020

Ngày nhận bản sửa: 30/7/2020

Ngày duyệt đăng: 05/8/2020

Tóm tắt:

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh. Việc làm xanh là một trong ba nội dung của chiến lược tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta chưa có khái niệm chính thức về việc làm xanh và do đó các nghiên cứu về việc làm xanh mới chỉ dừng ở việc nhận diện một số ngành xanh là các ngành có liên quan đến môi trường. Bài viết sử dụng định nghĩa và cách tiếp cận tính toán việc làm xanh của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), kết hợp với dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp và điều tra lao động việc làm năm 2018 của Tổng cục Thống kê để ước lượng việc làm xanh trên góc độ tổng thể nền kinh tế và theo từng ngành cấp 1. Kết quả tính toán cho thấy tỷ lệ việc làm xanh thỏa mãn các điều kiện theo định nghĩa của ILO ở Việt Nam hiện nay còn thấp, chỉ chiếm 15,8% việc làm trong nền kinh tế; trong đó ngành nông, lâm, ngư nghiệp có tỷ lệ việc làm xanh thấp nhất nền kinh tế. Bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị giải pháp để thúc đẩy việc làm xanh trong thời gian tới.

Từ khóa: Tăng trưởng xanh, việc làm xanh, phát triển bền vững.

Mã JEL: O13; O44; J01; J21; E24

Green jobs in Vietnam: Current situations and policy recommendations towards sustainable development

Abstract:

Vietnam is in the process of transforming the economic growth model towards green. Green job is one of the three contents of the green growth strategy in Vietnam. However currently, there is not an official concept of green jobs, and thus, the research on green jobs is only to identify some green industries as environmental-related industries. The paper uses the green jobs' definition and calculation method of the International Labor Organization (ILO), combined with data from the GSO's "2018 Labor - Employment Survey and Enterprise survey" to estimate green jobs from an overall economic level and at sectoral level. The results show that the rate of green jobs satisfying the conditions defined by ILO in Vietnam is still low (only 15.8% of jobs in the economy, in which agriculture, forestry, and fishery have the lowest rate of green jobs). Finally, some recommendations are proposed to promote green jobs in the future.

Keywords: Green growth, green jobs, sustainable development.

JEL code: O13; O44; J01; J21; E24.

1. Giới thiệu

Kể từ thời điểm khái niệm "Phát triển bền vững" lần đầu tiên được đề cập đến trong tuyên bố chung của Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất, tổ chức tại Rio de Janeiro, Brazil tháng 5 năm 1992 đến nay, phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới không phân biệt trình độ phát triển.

Tiếp cận phát triển bền vững ban đầu đi từ nhận dạng, xác định các vấn đề môi trường để đưa vào, lồng ghép các quyết định phát triển; và sau đó cùng với sự gia tăng nhanh chóng các vấn đề môi trường, người ta nhanh chóng nhận ra rằng việc lồng ghép ít và chậm mang lại các kết quả tích cực đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình phát triển của các quốc gia

(Đỗ Phú Hải, 2018). Trong bối cảnh đó, một thuật ngữ mới nổi lên là “kinh tế xanh”, được quốc tế thống nhất sử dụng từ Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững họp tháng 6 năm 2012 tại thành phố Rio de Janeiro, Brazil (gọi tắt là Rio+20).

Kinh tế xanh không thay thế khái niệm phát triển bền vững (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc - UNEP, 2011) vì tăng trưởng, phát triển xanh cũng là phát triển bền vững, hay đúng hơn là cách thức, phương thức thực hiện phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu (Đỗ Phú Hải, 2018). Nhận thức được mối quan hệ thống nhất giữa phát triển bền vững và kinh tế xanh, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của nước ta cũng xác định “Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững” (Thủ tướng chính phủ, 2012). Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cũng là chiến lược đầu tiên, toàn diện về lĩnh vực phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, trong đó xác định 3 mục tiêu cụ thể: (i) Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có, khuyến khích phát triển các vùng kinh tế, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; (ii) Nghiên cứu ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; (iii) Nâng cao đời sống của nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

Như vậy, có thể thấy việc làm xanh là một trong ba mục tiêu của tăng trưởng xanh. Do đó, cũng là một nội hàm của các chính sách hướng tới phát triển bền vững, tuy nhiên khái niệm việc làm xanh chưa được nêu ở bất kỳ một văn bản chính thức có tính pháp lý nào ở Việt Nam (Trung tâm thông tin tư liệu - CIEM, 2018). Thêm vào đó, Việt Nam hiện vẫn chưa có bất cứ một cuộc điều tra khảo sát riêng về các chi phí môi trường (tài khoản môi trường), do đó việc tính toán số liệu về việc làm xanh trong toàn bộ nền kinh tế Việt Nam chỉ là ước tính. Chính vì vậy, đưa ra một khái niệm việc làm xanh và tính toán được đầy đủ thực trạng về việc làm xanh ở Việt Nam là cần thiết để từ đó làm cơ sở đưa ra các chính sách thúc đẩy việc làm xanh hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Việc làm xanh là khái niệm mới nổi lên cùng với khái niệm kinh tế xanh khi những ảnh hưởng của vấn đề biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng tại các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về thuật ngữ này. Chương trình môi trường Liên hợp quốc UNEP & cộng sự (2008) đưa ra định nghĩa việc làm xanh bao gồm các công việc giúp bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học; giảm tiêu thụ năng lượng, nguyên vật liệu và tiêu thụ nước thông qua các chiến lược sử dụng tiết kiệm hiệu quả, phát triển nền kinh tế cacbon thấp; giảm thiểu hoặc hoàn toàn tránh tạo ra tất cả các dạng chất thải và ô nhiễm. Như vậy, mọi công việc có thể có khả năng - “tiềm năng” để trở nên xanh hơn. Theo tổ chức Trung tâm Quốc tế về Giáo dục, Đào tạo Kỹ thuật và Dạy nghề của UNESCO - UNEVOC (2013), việc làm xanh là các công việc đóng góp vào việc bảo tồn và phục hồi lại chất lượng môi trường, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu và mục tiêu của phong trào lao động như có mức lương thỏa đáng, các điều kiện an toàn làm việc và các quyền của người lao động. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO (2013), việc làm xanh mang lại cơ hội làm việc tốt và góp phần bảo tồn và phục hồi môi trường. Theo đó, việc làm xanh được định nghĩa là những công việc giúp (1) cải thiện hiệu quả năng lượng và nguyên liệu thô; (2) hạn chế phát thải khí nhà kính; (3) giảm thiểu chất thải và ô nhiễm; (4) bảo vệ và khôi phục hệ sinh thái; và (5) hỗ trợ thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu. Việc làm xanh được tạo ra trong tất cả các ngành, ngành và loại hình doanh nghiệp. Theo định nghĩa mới nhất của ILO (ILO, 2016), việc làm xanh là những việc làm thỏa đáng, đàng hoàng (decent work), góp phần bảo tồn hoặc khôi phục môi trường, việc làm xanh có thể là những công việc trong các ngành kinh tế truyền thống hoặc trong các ngành kinh tế xanh mới nổi như năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Bên cạnh việc định nghĩa trực tiếp việc làm xanh, có một cách định nghĩa khác đó là khái niệm việc làm xanh gắn kết với kinh tế xanh, cụ thể theo UNEP (2011), một nền kinh tế xanh là một nền kinh tế giúp cải thiện sức khỏe con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm đáng kể các rủi ro môi trường và việc khai thác cạn kiệt tài nguyên. Kinh tế xanh tạo ra việc làm, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, nóng lên toàn cầu, cạn kiệt nguồn tài nguyên và suy thoái môi trường.

Sử dụng các khái niệm việc làm xanh được đề cập ở trên, các nghiên cứu ngoài nước đã đưa ra bức tranh về việc làm xanh ở cả góc độ toàn cầu và từng quốc gia. Nghiên cứu của ILO (2008) “Hướng tới công việc bền vững, tốt hơn trong một thế giới carbon thấp” là một trong những nghiên cứu ban đầu đã sử dụng khái niệm của UNEP về việc làm xanh và đưa ra các thông tin về việc làm trong các ngành kinh tế xanh. Mặc dù nghiên cứu này không đưa ra phương pháp tính toán cụ thể về việc làm xanh, tuy nhiên đã minh họa tương đối cụ thể về việc làm trong một số ngành kinh tế “xanh” tiêu biểu theo các dự án hoặc từng quốc gia, từ đó có được hình dung về những “loại hình” việc làm xanh đang diễn ra trên thực tế. Bên cạnh việc xác định việc làm xanh theo định nghĩa của UNEP, hầu hết các nghiên cứu về việc làm xanh đều dựa vào định nghĩa của ILO với các phương pháp khác nhau để xác định việc làm xanh ở các nước (Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu - GGGI, 2009; Mondal & cộng sự, 2009; ILO, 2011, 2014a, 2014b, 2018; Kim & cộng sự, 2012; Janser, 2018). Bên cạnh các nghiên cứu ngoài nước, mặc dù ở Việt Nam vẫn chưa có định nghĩa chính thức về việc làm xanh, song cũng có một nghiên cứu về việc làm xanh như nghiên cứu của Nguyễn Bá Ngọc (2014); CIEM (2016, 2018); Viện Khoa học Lao động và Xã hội - ILSSA & ILO (2019); ILSSA & GIZ (2019). Các nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay hoặc sử dụng định nghĩa của ILO áp dụng trong một số ngành, hoặc chưa xác định được đầy đủ danh mục các ngành xanh và xác định việc làm xanh có đặc điểm của việc làm thỏa đáng của ILO khuyến nghị. Do đó bài viết này áp dụng định nghĩa đầy đủ về việc làm xanh theo khuyến nghị của ILO để đánh giá thực trạng việc làm xanh trên phạm vi cả nước.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Khung phân tích về việc làm xanh

Qua tổng quan nghiên cứu, có thể thấy phần lớn các nghiên cứu về việc làm xanh trên thế giới đều dựa trên khái niệm việc làm xanh của ILO (2016). Bài viết này cũng dựa trên cách tiếp cận này. Hình 1 minh họa một cách trực quan nhất về khái niệm cũng như cách xác định việc làm xanh theo định nghĩa của ILO, trong đó:

(A) là việc làm trong các ngành sản xuất hàng hóa và dịch vụ về môi trường (đầu ra liên quan đến môi trường): được định nghĩa là việc làm trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường để phục vụ cho việc tiêu dùng ngoài đơn vị sản xuất.

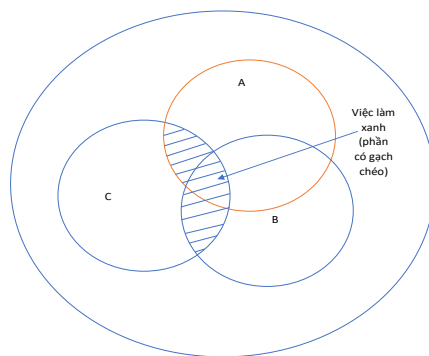
(B) là việc làm thúc đẩy quá trình bảo vệ (thân thiện) với môi trường (việc làm trong các hoạt động sản xuất có quy trình thân thiện với môi trường): được định nghĩa là việc làm trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường để phục vụ cho việc tiêu dùng trong đơn vị sản xuất.

(C) là việc làm thỏa đáng theo 10 tiêu chí của ILO (ILO, 2015): được xác định là việc làm hiệu quả và mang lại thu nhập công bằng, có sự đảm bảo việc làm tại nơi làm việc và bảo trợ xã hội cho gia đình, có triển vọng phát triển cá nhân, có quyền tự do bày tỏ ý kiến, có quyền tổ chức và tham gia các quyết định ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống, có cơ hội bình đẳng và đối xử bình đẳng giữa nữ và nam trong công việc.

Việc làm xanh là phần “hợp” của A và B và “giao” với C = (A U B) ∩ C

Như vậy, việc làm xanh mang hàm ý chỉ các công việc được tạo ra giúp cho các ngành/hoạt động kinh tế trở nên thân thiện với môi trường và bền vững hơn so với các công việc/hoạt động truyền thống (conventional sectors). Đồng thời việc làm xanh cung cấp các điều kiện làm việc đáp ứng các tiêu

Hình 1: Cách xác định việc làm xanh theo định nghĩa của ILO



Nguồn: ILO (2016).

chuẩn của việc làm thỏa đáng. Hoặc có thể định nghĩa *việc làm xanh là việc làm “đàng hoàng, thỏa đáng” được tạo ra trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế giúp bảo tồn hoặc khôi phục môi trường, đem lại sự phát triển bền vững.*

3.2. Phương pháp ước lượng việc làm xanh

Khái niệm việc làm xanh là cơ sở cho việc đánh giá tính xanh của việc làm trong nền kinh tế. Nền kinh tế là tập hợp của các ngành có mối quan hệ với nhau trong đó mỗi ngành lại có mối quan hệ khác nhau với môi trường tự nhiên. Do đó, ước lượng việc làm xanh là việc xác định ngưỡng bền vững để phân biệt giữa phần xanh và không xanh trong từng ngành.

Để tính toán ước lượng việc làm xanh ở Việt Nam, bài viết dựa trên phương pháp được ILO đề xuất cho các nước đang phát triển (ILO, 2011), phương pháp này cho phép áp dụng linh hoạt với điều kiện số liệu của các quốc gia, do đó đã được nhiều nước áp dụng. Ở Việt Nam hiện nay chưa có bất cứ một cuộc điều tra khảo sát riêng về các chi phí môi trường (tài khoản môi trường), nên việc xác định tỷ trọng xanh trong các ngành kinh tế phải dựa trên phương pháp ước tính số lượng việc làm trong các ngành xanh. Cùng với việc kết hợp tiêu chí về việc làm thỏa đáng của ILO, từ đó tính toán ra số lượng việc làm xanh.

Nguồn dữ liệu:

Để ước tính số việc làm trong các ngành xanh, bài viết kết hợp hai bộ số liệu khảo sát của Tổng cục Thống kê là điều tra doanh nghiệp và điều tra lao động và việc làm. Đây là hai trong những cuộc điều tra chọn mẫu trong chương trình điều tra thống kê quốc gia (Quyết định 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ), được tiến hành trên cả nước hàng năm.

Điều tra lao động và việc làm: nhằm mục đích: thu thập thông tin về tình trạng tham gia thị trường lao động của những người từ 15 tuổi trở lên hiện đang sống tại Việt Nam làm cơ sở để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về lao động, việc làm, thất nghiệp và thu nhập của người lao động. Hiện Tổng cục Thống kê mới công bố báo cáo và số liệu điều tra tới năm 2018.

Điều tra doanh nghiệp: năm 2018, bên cạnh việc thu thập thông tin đầy đủ theo đơn vị doanh nghiệp như hàng năm, cuộc điều tra cũng nhằm đánh giá tình hình ứng dụng khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp và thu thập thông tin về các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp để tính toán chính xác tổng sản

phẩm nội địa (GDP) và tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).

Các bước tiến hành ước lượng cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định các ngành kinh tế xanh và kinh tế xanh 1 phần

Theo hướng dẫn của ILO (Mạng lưới các tổ chức đánh giá việc làm xanh - GAIN, 2017), các ngành kinh tế xanh hoàn toàn (Entirely green sectors) được định nghĩa là các ngành có vai trò quan trọng, đóng góp trực tiếp đối với giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường bao gồm: Năng lượng tái tạo, lâm nghiệp (trồng rừng bền vững và hoạt động bảo vệ đa dạng sinh học), nông nghiệp (nông nghiệp hữu cơ, các trang trại trồng trọt đáp ứng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt, trồng nấm, nuôi ong,...), dịch vụ môi trường (doanh nghiệp chuyên xử lý về rác thải nguy hại, xử lý các vấn đề ô nhiễm), nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên, các ngành/hoạt động về giảm nhẹ và ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam năm 2018, đối với các ngành cấp 1 thì không có ngành nào là xanh hoàn toàn. Và do vậy, những ngành được xếp vào là ngành kinh tế xanh trong bài này đều là các ngành kinh tế xanh một phần (partly green sectors).

Theo đó, để có thể xác định được việc làm xanh cần phải xác định được phần xanh trong các ngành kinh tế truyền thống. Theo các tiêu chí sàng lọc hoạt động của các ngành dưới góc độ môi trường được đưa ra trong báo cáo về việc làm xanh của Philippine do ILO thực hiện (ILO, 2014), trong một ngành kinh tế, các đơn vị nằm trong nhóm 10% sử dụng năng lượng và nước hiệu quả nhất thì được coi là “xanh”. Do thiếu thông tin về mức độ sử dụng nước và vật liệu theo ngành, bài viết này *xác định phần xanh và phần không xanh trong các ngành kinh tế dựa vào ngưỡng tiêu thụ năng lượng trung bình của các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành kinh tế* (sử dụng số liệu từ điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê, tính toán chỉ số sử dụng năng lượng theo từng doanh nghiệp - mức tiêu thụ năng lượng trên giá trị gia tăng của doanh nghiệp hoạt động trong các ngành). Các ngành kinh tế trong bài viết này là các ngành cấp 1 theo hệ thống phân ngành kinh tế của Việt Nam (Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ) không tính ngành số 21: các tổ chức quốc tế.

Bước 2: Xác định số lượng việc làm trong các ngành kinh tế phân theo khu vực xanh và không

xanh trong từng ngành

Để ước lượng số lượng việc làm trong khu vực xanh của các ngành kinh tế cần phải thực hiện các bước nhỏ sau đây:

Ước lượng cầu lao động trong mỗi ngành kinh tế. Lý thuyết cầu lao động cho thấy cầu lao động phụ thuộc vào đầu ra (tổng sản lượng, doanh thu hay giá trị gia tăng), chi phí lao động, vốn, và các biện pháp kiểm soát (vùng, hình thức sở hữu, công nghệ...). Bài viết sử dụng dữ liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê để ước lượng cầu lao động theo ngành.

Từ mô hình hồi quy hàm cầu lao động riêng theo từng ngành, sẽ có được hệ số việc làm theo từng ngành. Bước tiếp theo cần tính toán tổng giá trị sản xuất của của phần xanh và không xanh theo mỗi ngành để từ đó tính toán tỷ trọng giá trị sản xuất của phần xanh và không xanh trong từng ngành. Sau khi

có được tỷ trọng giá trị sản xuất của phần xanh và không xanh sẽ tính được tỷ trọng việc làm theo hai phần của mỗi ngành và tính được số lượng việc làm theo khu vực xanh của từng ngành.

Bước 3: Tính số “việc làm xanh” đáp ứng tiêu chí của ILO về việc làm thỏa đáng

Về mặt lý thuyết, ILO đã đưa ra 10 tiêu chí về việc làm thỏa đáng nhưng trên thực tế rất khó có thể đánh giá việc làm có thỏa mãn cả 10 tiêu chí này để trở thành việc làm xanh hay không. Trên thực tế, có một số tiêu chí rất khó “đo lường” như: đối xử bình đẳng, không phân biệt (giới tính, tuổi tác, chủng tộc,...). Bài viết này sử dụng một số tiêu chí có thể “lượng hóa” để đánh giá chất lượng việc làm theo các tiêu chí việc làm thỏa đáng sau:

- (1) Việc làm của lao động làm công hưởng lương.
- (2) Việc làm có hợp đồng lao động (tham gia đóng

Bảng 1: Cơ cấu lao động có việc làm hưởng lương theo phần xanh và không xanh ở mỗi ngành kinh tế

Số thứ tự (Kí hiệu ngành)	Ngành kinh tế	Tỷ trọng (%)		
		Phần xanh	Phần không xanh	Tổng
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	83,79	16,21	100,00
2	Khai khoáng	91,82	8,18	100,00
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	87,03	12,97	100,00
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	86,85	13,15	100,00
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	82,21	17,79	100,00
6	Xây dựng	70,75	29,25	100,00
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	94,44	5,56	100,00
8	Vận tải, kho bãi	31,25	68,75	100,00
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	90,44	9,56	100,00
10	Thông tin và truyền thông	89,48	10,52	100,00
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	93,47	6,53	100,00
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1,80	98,20	100,00
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	69,67	30,33	100,00
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	78,79	21,21	100,00
15	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	95,00	5,00	100,00
16	Giáo dục và đào tạo	4,21	95,79	100,00
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	93,11	6,89	100,00
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	65,79	34,21	100,00
19	Hoạt động dịch vụ khác	70,77	29,23	100,00
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	90,00	10,00	100,00
	<i>Tổng số</i>	<i>75,91</i>	<i>24,09</i>	<i>100,00</i>

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra Doanh nghiệp 2018.

Bảng 2: Số lượng lao động có việc làm hưởng lương theo ngành kinh tế và phần kinh tế xanh

Ngành kinh tế	Việc làm của lao động làm công hưởng lương (nghìn người)	Việc làm (nghìn người)	
		Phần xanh	Phần không xanh
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.171	1.819	352
Khai khoáng	158	145	13
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7.668	6.674	995
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	156	136	21
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	127	105	23
Xây dựng	3.858	2.730	1.129
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.983	1.873	110
Vận tải, kho bãi	951	297	654
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	742	671	71
Thông tin và truyền thông	278	249	29
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	388	363	25
Hoạt động kinh doanh bất động sản	105	2	103
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	203	141	62
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	242	191	51
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	1.679	1.595	84
Giáo dục và đào tạo	2.053	86	1.967
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	551	513	38
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	121	80	41
Hoạt động dịch vụ khác	250	177	73
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	148	134	15
<i>Tổng số</i>	<i>23.835</i>	<i>17.980</i>	<i>5.855</i>

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra lao động - việc làm năm 2018.

bảo hiểm xã hội).

(3) Thu nhập bình quân tháng không thấp hơn 2/3 mức thu nhập trung vị của lao động làm công hưởng lương trong nền kinh tế.

Từ tiêu chí việc làm thỏa đáng sẽ có được tỷ lệ việc làm thỏa đáng trong các ngành, kết hợp với số lượng việc làm trong khu vực xanh của các ngành ở trên sẽ tính toán ra được số lượng việc làm xanh theo định nghĩa.

4. Kết quả và thảo luận

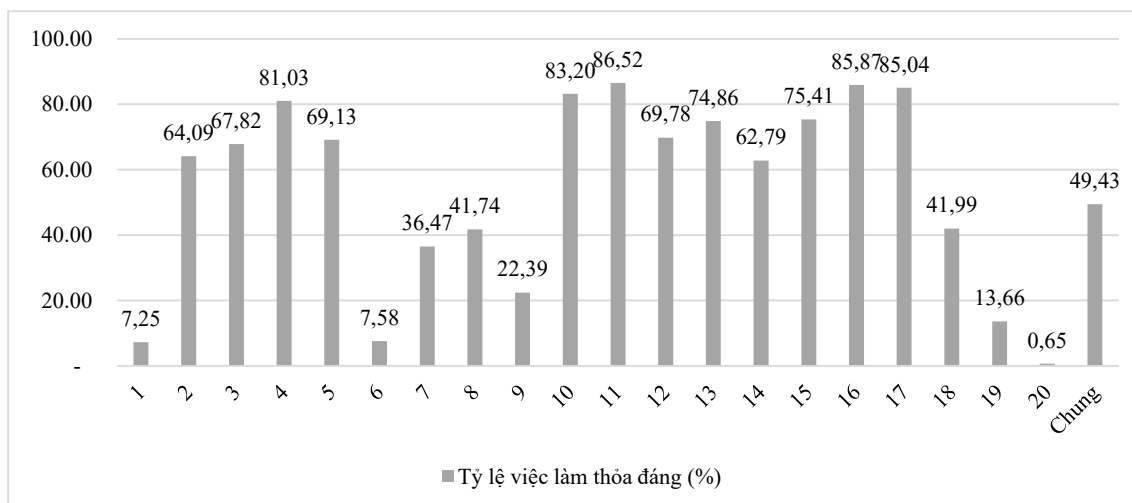
Theo kết quả điều tra lao động – việc làm năm 2018, toàn bộ nền kinh tế có hơn 54 triệu việc làm. Số lượng việc làm có xu hướng tăng lên qua các năm, tuy nhiên áp lực tạo việc làm trong nền kinh tế vẫn là vấn đề đáng quan tâm khi số lượng dân số bước vào độ tuổi lao động hàng năm tăng cao hơn số lượng việc làm mới tạo ra (từ năm 2012-2018 dân số bước vào độ tuổi lao động tăng khoảng 2.702

nghìn người, nhưng số việc làm tăng thêm chỉ ở mức khoảng 2.600 nghìn người). Cơ cấu lao động có việc làm vẫn tập trung chủ yếu tập trung trong khu vực I (nông, lâm, thủy sản) khi tỷ trọng việc làm trong khu vực này chiếm 37,72% tổng số việc làm trong nền kinh tế, số lượng việc làm trong khu vực II (công nghiệp – xây dựng) chỉ chiếm 26,7%, phần còn lại là việc làm tại khu vực III (dịch vụ). Trong khi cơ cấu theo giá trị gia tăng của ba khu vực này năm 2018 lần lượt là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,68% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,23%; khu vực dịch vụ chiếm 41,12% (Tổng cục Thống kê, 2019).

Mặc dù số lao động có việc làm trong khu vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn, song việc làm trong khu vực này bắt đầu có xu hướng giảm từ năm 2015 trở lại đây. Thêm vào đó, tình trạng việc làm của người lao động nói chung đã có sự cải thiện nhất định khi tỷ trọng việc làm được hưởng lương đang

Hình 2: Tỷ lệ việc làm thỏa đáng theo ngành kinh tế

Đơn vị: %



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra lao động - việc làm năm 2018.

Lưu ý: Các ngành kinh tế theo thứ tự kí hiệu từ 1-20 trong Bảng 1.

có xu hướng tăng lên. Năm 2012 số lao động được hưởng lương là 17.847 nghìn người, chiếm 34,7% tổng số lao động có việc làm; thì đến năm 2018, con số này là 23.835 nghìn người (chiếm 43,93%).

Về việc làm trong khu vực xanh, kết quả tính toán dựa trên ngưỡng sử dụng năng lượng trung bình của ngành cho thấy, năm 2018, có 75,91% việc làm của lao động làm công hưởng lương thuộc khu vực xanh theo ngành kinh tế và 24,09% việc làm thuộc khu vực không xanh. Bảng 1 trình bày chi tiết tỷ lệ việc làm của lao động làm công hưởng lương thuộc khu vực xanh theo từng ngành kinh tế. Kết quả cho thấy hầu như các ngành trong nền kinh tế đang có xu hướng xanh hóa hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp trong mỗi ngành đều cải tiến công nghệ theo hướng tiết kiệm năng lượng hơn, nên tỷ trọng việc làm trong khu vực xanh của các ngành tương đối cao. Đặc biệt, một số ngành có tỷ lệ việc làm trong các phần xanh đạt tỷ lệ trên 90% như ngành khai khoáng; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động tài chính ngân hàng và bảo hiểm; y tế và các hoạt động trợ giúp. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có một số ngành có hoạt động phần nhiều ở khu vực không xanh như hoạt động kinh doanh bất động sản hay giáo dục và đào tạo.

Từ tỷ lệ việc làm trong các phần xanh và phần không xanh của mỗi ngành, kết hợp với số liệu việc làm được hưởng lương từ điều tra lao động - việc làm, bài viết tính toán được số lượng việc làm trong

khu vực xanh và không xanh trong mỗi ngành (Bảng 2).

Tính toán theo tiêu chí việc làm thỏa đáng được ra trong bài, năm 2018, tỷ lệ việc làm thỏa đáng chiếm 49,43% việc làm của lao động có hưởng lương. Hình 2 thể hiện tỷ lệ việc làm thỏa đáng trong từng ngành kinh tế.

Từ tỷ lệ việc làm thỏa đáng và số lượng việc làm tại các khu vực xanh trong mỗi ngành sẽ tính toán được việc làm xanh trong mỗi ngành. Kết quả trong Bảng 3 cho thấy ước tính việc làm xanh của Việt Nam hiện nay là 8,6 triệu người, chiếm 15,89% tổng số việc làm trong nền kinh tế (bao gồm cả việc làm được trả lương và việc làm không được trả lương). Một số ngành có tỷ lệ việc làm xanh như: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (65,4%); thông tin và truyền thông (64,5%); hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc (71,6%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (73,2%).

Tỷ lệ việc làm xanh trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khá thấp (0,6%). Một trong những lý do là tỷ lệ việc làm xanh trong lĩnh vực này rất thấp do phần lớn lao động trong ngành nông nghiệp là lao động gia đình, chỉ có một phần lao động làm công hưởng lương trong ngành nông nghiệp và hưởng mức thu nhập thấp, không đáp ứng được tiêu chí việc làm thỏa đáng. Bên cạnh đó, chỉ một phần của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đảm bảo

Bảng 3: Số lượng và tỷ lệ việc làm xanh theo ngành kinh tế

Ngành kinh tế	Việc làm xanh (nghìn người)	Việc làm (nghìn người)	Tỷ lệ việc làm xanh (%)
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	132	20.465	0,64
Khai khoáng	93	181	51,29
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.526	9.717	46,58
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	110	168	65,38
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	72	147	49,22
Xây dựng	207	4.273	4,84
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	683	7.324	9,32
Vận tải, kho bãi	124	1.774	6,99
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	150	2.753	5,46
Thông tin và truyền thông	207	321	64,52
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	314	423	74,35
Hoạt động kinh doanh bất động sản	1	267	0,49
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	106	290	36,51
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	120	341	35,09
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	1.203	1.681	71,56
Giáo dục và đào tạo	74	2.121	3,50
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	436	596	73,22
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	33	278	12,04
Hoạt động dịch vụ khác	24	925	2,60
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	1	203	0,43
<i>Tổng số</i>	<i>8.618</i>	<i>54.249</i>	<i>15,89</i>

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu điều tra lao động - việc làm năm 2018.

tiêu chí ngành kinh tế xanh là nông nghiệp hữu cơ và lâm nghiệp.

5. Kết luận và khuyến nghị

Ở Việt Nam, hiện tại chưa có định nghĩa chính thức về việc làm xanh, cũng như chưa có tiêu chí và nguồn dữ liệu để xác định việc làm xanh. Bài viết này sử dụng định nghĩa về việc làm xanh của ILO để ước tính các công việc xanh trong bối cảnh dữ liệu hiện có ở Việt Nam. Kết quả cho thấy số lượng việc làm xanh hiện nay còn ở mức thấp, chỉ đạt 8.618 nghìn lao động năm 2018, chiếm 15,89%. Điều này là do tỷ lệ lao động đã qua đào tạo hiện nay còn thấp (chỉ chiếm khoảng 23% tổng lực lượng lao động – điều tra lao động việc làm năm 2018), thêm vào đó với bối cảnh nền kinh tế đang phát triển, số lượng việc làm ở khu vực phi chính thức còn lớn nên tỷ lệ việc làm thỏa đáng (theo định nghĩa của ILO) trong từng ngành kinh tế cũng ở mức thấp. Việc không

đảm bảo điều kiện việc làm thỏa đáng chính là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp nhất tới tỷ lệ việc làm xanh trong nền kinh tế còn thấp. Việc làm xanh ở Việt Nam hiện nay chủ yếu trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 52,52% tổng số việc làm xanh của nền kinh tế). Đây là ngành năng động và đang trong quá trình đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại để ngày càng tiết kiệm năng lượng hơn trong quá trình sản xuất. Thực trạng này cho thấy một dấu hiệu đáng mừng trong quá trình phát triển hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam.

Với mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2035 (Ngân hàng Thế giới - WB, 2016), trong bối cảnh biến đổi khí hậu ảnh hưởng ngày càng nặng nề đối với các nền kinh tế trên thế giới, phát triển kinh tế gắn với phát triển bền vững là yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam trong thời gian tới. Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, tạo việc làm

xanh, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh là cách thức để đạt được mục tiêu đó. Để thúc đẩy việc làm xanh trong thời gian tới Việt Nam nên thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường nhận thức về việc làm xanh. Để làm được điều này Việt Nam cần phải thống nhất và hiểu đúng các khái niệm về việc làm xanh đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn quốc tế và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, bài viết khuyến nghị sử dụng cách tiếp cận việc làm xanh của ILO (ILO, 2016). Các khái niệm cần được luật hóa trong các văn bản chính thức và được phổ biến rộng rãi trong xã hội và tới mọi người dân. Thêm vào đó, cần đưa chỉ số việc làm xanh thành chỉ số theo dõi của từng ngành và ở phạm vi cả nền kinh tế. Chỉ khi đó, Việt Nam mới có đủ nguồn lực để thu thập số liệu thống kê việc làm xanh và tích hợp việc làm xanh vào các chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

Thứ hai, để tiếp tục thúc đẩy việc làm xanh trong nền kinh tế, cần đảm bảo các điều kiện của việc làm thỏa đáng trong các ngành kinh tế. Theo đó, các ngành sản xuất trong nền kinh tế cần tiếp tục theo

dõi và đánh giá điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo rằng người lao động làm việc trong điều kiện an toàn, có hợp đồng lao động và có mức thu nhập cao hơn mức thu nhập thấp. Đồng thời, trong từng ngành kinh tế cần có các chính sách để tăng phần giá trị sản xuất của khu vực xanh, cụ thể, các ngành kinh tế cần thay đổi phương thức sản xuất để sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng đầu vào, tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao năng suất lao động.

Thứ ba, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho người lao động từ phi chính thức sang các công việc chính thức. Ở Việt Nam, tỷ lệ lao động làm nông nghiệp khá cao, đây cũng là lực lượng lao động không có quan hệ lao động, thu nhập thấp và điều kiện lao động không đạt yêu cầu. Do vậy, cần có một cơ chế hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và tổ chức chính thức hóa các hoạt động của họ trong nông nghiệp và sử dụng lao động trong lĩnh vực này như các ngành công nghiệp khác. Tuy nhiên, trình độ của người lao động thấp cũng là một thách thức để người lao động có được việc làm thỏa đáng, vì vậy người lao động cũng cần phải tích cực tham gia đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Tài liệu tham khảo:

- CIEM (2016), *Tiềm năng tạo việc làm xanh ở Việt Nam*, Hà Nội.
- CIEM (2018), *Việc làm xanh trong bối cảnh thực hiện tăng trưởng xanh tại Việt Nam*, Hà Nội.
- Đỗ Phú Hải (2018), 'Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam', *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, 34(2), 1-7.
- GAIN (2017), *GAIN Training Guidebook, how to measure and model social and employment outcomes of climate and sustainable development policies*, Green Jobs Assessment Institutions Network, ILO, Switzerland.
- GGGI (2009), *Fiji Green Jobs Assessment: A Preliminary Study of Green Employment in Fiji*, Global Green Growth Institute, Seoul.
- ILO (2011), *Practitioner's Guide discusses the idea of 'core environment-related employment*, ILO.
- ILO (2013), *Report V: Sustainable development, decent work and green jobs*, Geneva.
- ILO (2014a), *Green jobs mapping study in the Philippines: An overview based on initial desk research*, International Labour Organization, Thailand.
- ILO (2014b), *Green jobs mapping in Mongolia*, ILO, Ulaanbaatar, Mongolia.
- ILO (2015), *Decent Work*, retrieved on May 25th 2020, from <<https://www.ilo.org/global/topics/decent-work/lang--en/index.htm>>.
- ILO (2016), *What is a green job*, retrieved on May 25th 2020, from <https://www.ilo.org/global/topics/green-jobs/news/WCMS_220248/lang--en/index.htm>.
- ILO (2018), *Green Jobs in Tunisia: Measuring Methods and Model Results*, retrieved on May 30th 2020, from <https://www.ilo.org/global/topics/green-jobs/WCMS_631705/lang--en/index.htm>.
- ILSSA & GIZ (2019), *Việc làm xanh và kỹ năng xanh trong ngành nông nghiệp, trường hợp về mô hình nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái tại tỉnh Lâm Đồng*, Hà Nội.

- ILSSA & ILO (2019), *Việc làm xanh trong ngành xử lý nước thải và rác thải*, Hà Nội.
- Janser, Markus (2018), 'The greening of jobs in Germany', *IAB Discussion Paper*, IAB.
- Kim, H.W., Han, J.K.K. & Park, J.H. (2012), *Green Growth and Green Jobs in Korea: Potentials and Perspectives*, retrieved on May 30th 2020, from <https://ems-online.org/uploads/media/Quelle1_GreenGrowth_GreenJobs.pdf>.
- Mondal, A.H., Iqbal, Z. & Mehedi, S. (2009), *Skills for Green Jobs in Bangladesh*, Bangladesh Institute of Development Studies, Dhaka.
- Nguyễn Bá Ngọc (2014), 'Các giải pháp phát triển việc làm xanh ở Việt Nam', Đề tài cấp Bộ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hà Nội.
- Thủ tướng chính phủ (2012), *Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2012.
- Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg về việc ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia*, ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2016.
- Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*, ban hành ngày 06 tháng 7 năm 2018.
- Tổng cục Thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2018*, Nhà xuất bản Thống kê.
- UNEP (2011), *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication - A Synthesis for Policy Makers*, retrieved on May 31st 2020, from <www.unep.org/greeneconomy>.
- UNEP, ILO, IOE, ITUC (2008), *Green Jobs: Towards decent work in a sustainable, low-carbon world*, United Nations Environment Programme (UNEP), Nairobi, Kenya.
- UNEVOC (2013), *Meeting skill needs for green jobs: Policy recommendations*, retrieved on May 31st 2020, from <<https://www.ilo.org/global/topics/decent-work/lang--en/index.htm>>.
- World Bank (2016), *Việt Nam 2035, hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Hà Nội.